

SO SÁNH SỰ SINH TRƯỞNG, NĂNG SUẤT VÀ PHẨM CHẤT CỦA 11 GIỐNG DƯA LÊ TRONG NHÀ LƯỚI VỤ XUÂN HÈ 2007

Trần Thị Ba¹, Trần Thiện Thiên Trang², và Võ Thị Bích Thủy¹

ABSTRACT

Elevent imported melon varieties (F1) were evaluated for their yield and horticultural characters in net house at Agricultural Experimental Farm of Cantho University from March to May 2007. The result of the experiment indicated that the total yield and marketable yield per hectare were significant differerent among all varieties. The marketable yield were high, ranged from 21,0 t/ha to 32,3 t/ha. Four promising varieties as Kim Co Nuong, Melon 1864, Phuong Thanh Thanh và Melon Hoang Hat in term of fruit uniformity, short duration 60-70 days, total soluble solids contents (TSS) in fruit were rather high (10,3 - 12,4%). Kim Co Nuong (to be used as check has because of growing many years in Vietnam) was lowest fruit yield but the best TSS, crispy texture and longest shelflife. Insects and dieases incidence in net house were minimal during the conduct of the experiment.

Keywords: *Melon, cultivars, yields, qualities, net house*

Title: *Comparision of the growth, yield and quality of 11 melon varieties in net house, Spring-summer season 2007*

TÓM TẮT

Mười một giống dưa lê F₁ nhập nội được đánh giá năng suất, chất lượng và đặc tính nông học trồng trong nhà lưới tại Trại Thực nghiệm Nông Nghiệp, Trường Đại học Cần Thơ từ tháng 3 - 5/2007. Kết quả thí nghiệm cho thấy có sự khác biệt qua phân tích thống kê về năng suất tổng và năng suất thương phẩm giữa các giống. Năng suất thương phẩm cao, ở mức 21,0 - 32,3 tấn/ha. Bốn giống dưa lê có triển vọng nhất là Kim Cô Nuong, Dưa lê 1864, Phương Thanh Thanh và Melon Hoàng hạt về phương diện trái đồng nhất, thời gian sinh trưởng ngắn 60 - 70 ngày, hàm lượng chất rắn hòa tan (độ ngọt) trong thịt trái khá cao (biến thiên 10,3 - 12,4%). Giống Kim Nuong (được dùng làm đối chứng bởi vì đã được trồng nhiều năm ở Việt Nam) tuy cho năng suất thấp nhất nhưng độ ngọt cao nhất, ăn giòn và có thời gian bảo quản lâu nhất. Sâu bệnh hại trong nhà lưới không đáng kể trong suốt thời gian thực hiện thí nghiệm.

Từ khóa: *Dưa lê, giống, năng suất, chất lượng, nhà lưới*

1 MỞ ĐẦU

Trồng dưa lê (*Cucumis melo* L.) mang lại hiệu quả kinh tế khá cao, đặc biệt trong mùa nắng, lợi nhuận bình quân gấp hai lần dưa hấu và bốn lần lúa, nhưng khó khăn nhất hiện nay là khâu chọn giống. Thị trường có rất nhiều giống, hầu hết là giống lai nhập nội, nhu cầu của người tiêu dùng ngày càng cao thì càng nhiều giống mới được du nhập, người nông dân không thể tự chọn lựa giống thích nghi. Hơn nữa, dưa lê rất khó tính nếu như canh tác ngoài đồng gặp mưa giai đoạn gần

¹ Khoa Nông nghiệp và Sinh học Ứng dụng

² Sinh viên Lớp Trồng trọt K30, Khoa Nông nghiệp và Sinh học Ứng dụng

thu hoạch, thường xảy ra ở vụ Xuân hè nên năng suất và phẩm chất đều kém. Do vậy, đề tài “So sánh sự sinh trưởng, năng suất và phẩm chất của 11 giống dưa lê trong nhà lưới vụ Xuân Hè 2007” được thực hiện nhằm mục đích tìm ra được giống dưa lê cho năng suất cao, phẩm chất ngon cung cấp ổn định cho thị trường trong nước và hướng đến xuất khẩu trong nền kinh tế hội nhập.

2 PHƯƠNG TIỆN VÀ PHƯƠNG PHÁP

- Địa điểm và thời gian: Trại Thực nghiệm Nông Nghiệp, trường Đại học Cần Thơ từ tháng 3-5/2007.
- Bố trí thí nghiệm: theo thể thức hoàn toàn ngẫu nhiên gồm 3 lần lặp lại, 11 nghiệm thức là 11 giống dưa lê: (1) Melon Hoàng Hạt; (2) Dưa lê 1864; (3) Ngọc Thanh Thanh; (4) Phương Thanh Thanh; (5) Thiên Hoa; (6) Kim Cô Nương (đối chứng); (7) Aplus 675; (8) S Salmon; (9) Honda 541; (10) National 028; (11) Immeral Ace 433. Mật độ trồng 33.000 cây/ha.
- Vật liệu: 11 giống dưa lê F₁ nhập nội (Bảng 1), Melon Hoàng Hạt, Kim Cô Nương (thời gian sinh trưởng 60 ngày), Thiên Hoa (thời gian sinh trưởng 70-75 ngày), Dưa lê 1864, National 028, Immeral Ace 433 (thời gian sinh trưởng 70 ngày), Ngọc Thanh Thanh, Honda 541, Aplus 675, Phương Thanh Thanh, S Salmon (thời gian sinh trưởng 65 ngày). Mỗi nghiệm thức 4 cây dưa lê trồng trên thùng xốp (60 x 30 x 20 cm), giá thể sạch (mụn xơ dừa), hệ thống tưới nhỏ giọt,...

Bảng 1: Tên và nguồn gốc 11 giống dưa lê thí nghiệm, nhà lưới Trại Thực nghiệm Nông nghiệp, trường ĐHTC (3-5/2007)

TT	Tên giống dưa lê	Công ty phân phối
1	Melon Hoàng Hạt	Thần Nông
2	Dưa lê 1864	Nông Hữu
3	Ngọc Thanh Thanh	Trang Nông
4	Phương Thanh Thanh	Trang Nông
5	Thiên Hoa	Nông Hữu
6	Kim Cô Nương (đối chứng)	Nông Hữu
7	Aplus 675	Chia Tai
8	S Salmon	Chia Tai
9	Honda 541	Chia Tai
10	National 028	Chia Tai
11	Immeral Ace 433	Chia Tai

- Các chỉ tiêu theo dõi: về sinh trưởng (chiều dài thân chính, đường kính gốc thân), về thành phần năng suất và năng suất (kích thước trái, trọng lượng trung bình trái, năng suất trái thương phẩm, độ Brix thịt trái, độ cứng vỏ và thịt trái. Số liệu được xử lý bằng phần mềm thống kê MSTATC.

3 KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1 Chiều dài thân chính và đường kính gốc thân

Bảng 2 cho thấy chiều dài thân chính và đường kính gốc thân của 11 giống dưa lê có khác biệt qua phân tích thống kê ở mức ý nghĩa 1% giai đoạn thu hoạch (60-70

ngày sau khi trồng). Giống Honda 541 có chiều dài thân chính cao nhất ở giai đoạn thu hoạch (157,8 cm), không khác biệt thống kê so với Aplus 675 (147,7 cm), kế đến là National 028 (143,1 cm) không khác biệt thống kê so với S Salmon (140,8 cm) và Thiên Hoa (139,2 cm); trong khi đó giống Immeral Ace 433 thấp nhất (110,1cm). Trong cùng điều kiện canh tác có sự khác biệt về chiều dài thân chính có thể do đặc tính di truyền của giống qui định. Điều này phù hợp với kết quả so sánh giống dưa hấu trong mùa mưa của Đinh Văn Hai (2003), dưa hấu tết trong mùa nắng Trần Thị Thiên Thu (2003) và kết quả so sánh giống dưa lê của Nguyễn Tâm Ân (2006).

Bảng 2: Chiều dài thân chính và đường kính gốc thân của 11 giống dưa lê ở thời điểm thu hoạch, nhà lưới Trại Thực nghiệm Nông nghiệp, ĐHTC (tháng 3-5/2007)

Giống dưa lê	Chiều dài thân chính (cm)	Đường kính gốc thân (mm)
Melon Hoàng Hạt	129,5 de	8,9 d
Dưa Lê 1864	121,9 ef	9,8 bc
Ngọc Thanh Thanh	117,8 fg	9,5 bcd
Phương Thanh Thanh	115,7 fg	10,7 a
Thiên Hoa	139,2 bcd	10,6 a
Kim Cô Nương	131,3 cde	8,9 d
Aplus 675	147,7 ab	8,8 d
S Salmon	140,8 bc	9,5 cd
Honda 541	157,8 a	9,5 cd
National 028	143,1 b	10,9 a
Immeral Ace 433	110,1g	10,3 ab
F	**	**
CV. (%)	4,88	4,49

Những số trong cùng một cột có chữ theo sau giống nhau thì không khác biệt thống kê qua phép thử Duncan

** : khác biệt mức ý nghĩa 1%.

Giống National 028 có đường kính gốc thân lớn nhất (10,9 mm) không khác biệt thống kê so với Thiên Hoa (10,6 mm), Phương Thanh Thanh (10,7 mm) và Immeral Ace 433 (10,3 mm). Các nghiệm thức còn lại không khác biệt thống kê với nhau, thấp nhất là Aplus 675 (8,8 mm), Kim Cô Nương và Melon Hoàng Hạt (8,9 mm). Vậy trong cùng điều kiện canh tác đường kính gốc thân có sự khác biệt nhau thì có lẽ do đặc tính di truyền của giống qui định. Theo Trần Khắc Thi (1999), giống có đường kính gốc thân lớn có thể hút nước và dinh dưỡng mạnh góp phần tăng năng suất và phẩm chất trái.

3.2 Kích thước và hình dạng trái

Kích thước trái của 11 giống dưa lê có sự khác biệt thống kê ở mức ý nghĩa 1% giai đoạn thu hoạch (Bảng 3). Chu vi trái lớn nhất là Thiên Hoa (38,6 cm), không khác biệt thống kê với giống National 028 (36,4 cm) và thấp nhất là Melon Hoàng Hạt (30,4 cm), không khác biệt với S Salmon (31,7 cm). Các giống dưa lê còn lại có chu vi biến thiên từ 33,0 - 35,8 cm. Về chiều dài trái, giống National 028 có chiều dài trái lớn nhất (20,0 cm) và các giống còn lại dao động 13,7 - 15,9 cm. Điều này có thể chu vi và chiều dài trái phụ thuộc nhiều vào đặc tính di truyền của giống. Chu vi và chiều dài trái dưa lê càng lớn thì trái có trọng lượng càng lớn.

Bảng 3: Kích thước trái 11 giống dưa lê lúc thu hoạch (60-70 ngày), nhà lưới Trại Thực nghiệm Nông nghiệp, ĐHTC (tháng 3-5/2007)

Giống dưa lê	Chu vi trái (cm)	Chiều dài trái (cm)	Chiều cao/đường kính trái
Melon Hoàng Hạt	30,4 f	12,4 d	1,27 cde
Dưa Lê 1864	33,4 cde	13,7 bcd	1,28 cde
Ngọc Thanh Thanh	35,7 bc	14,1 bcd	1,24 de
Phương Thanh Thanh	35,8 bc	14,3 bcd	1,25 de
Thiên Hoa	38,6 a	15,0 bc	1,22 e
Kim Cô Nương	33,0 de	12,6 cd	1,20 e
Aplus 675	35,2 bcd	15,9 b	1,42 bc
S Salmon	31,7 ef	15,0 bc	1,48 b
Honda 541	34,9 bcd	15,5 b	1,39 bcd
National 028	36,4 ab	20,0 a	1,72 a
Immeral Ace 433	35,6 bc	13,9 bcd	1,23 e
F	**	**	**
CV. (%)	4,23	9,89	7,11

Những số trong cùng một cột có chữ theo sau giống nhau thì không khác biệt thống kê qua phép thử Duncan
 **: khác biệt mức ý nghĩa 1%.

Tỷ lệ chiều cao trái trên đường kính trái của các giống có khác biệt thống kê ở mức ý nghĩa 1% (Bảng 3), cao nhất (1,72) ở giống National 028 chứng tỏ dạng trái dài nhất, kế đến là Aplus 675 (1,42); S Salmon (1,48) và Honda 541 (1,39) không khác biệt thống kê với nhau nên chúng có hình dạng oval và thấp nhất là 3 giống Thiên Hoa, Kim Cô Nương, Immeral Ace 433, không khác biệt với các giống còn lại cho nên chúng có hình dạng là hình cầu. Tuy nhiên, hình dạng trái còn là sở thích của người tiêu dùng.

3.3 Thành phần năng suất và năng suất

3.3.1 Trọng lượng của trái

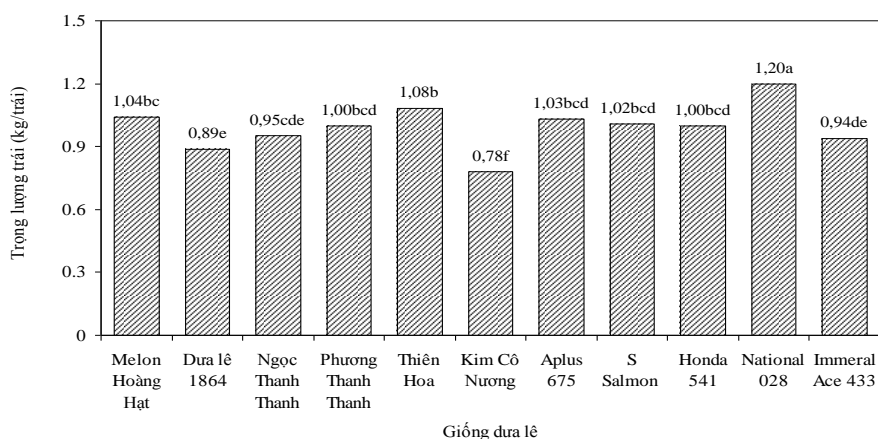
Kết quả Hình 1 cho thấy, trọng lượng trung bình trái của 11 giống dưa lê có khác biệt thống kê ở mức ý nghĩa 1% trọng lượng trái lớn nhất là giống National 028 (1,20 kg/trái), thấp nhất là Kim Cô Nương (0,78 kg/trái), các giống còn lại dao động 0,89-1,08 kg/trái. Trọng lượng trái là yếu tố quyết định đến năng suất cao và ngược lại, giống có kích thước trái lớn thì khả năng có trọng lượng trái nặng và ngược lại. Tuy nhiên, trọng lượng trái lớn chưa hẳn là phẩm chất tốt và năng suất thương phẩm cao.

3.3.2 Năng suất

Bảng 4 cho thấy năng suất tổng của 11 giống dưa lê có sự khác biệt qua phân tích thống kê ở mức ý nghĩa 1%, giống Melon Hoàng Hạt (33,9 tấn/ha), Aplus 675 (33,6 tấn/ha) cho năng suất tổng cao so với giống Kim Cô Nương (22,7 tấn/ha). Các giống dưa lê không khác biệt nhau

Không có sự khác biệt thống kê ở về tỷ lệ năng suất thương phẩm trên năng suất tổng giữa các nghiệm thức dao động 89,5- 96% (Bảng 4). Do điều kiện canh tác dưa lê trong nhà lưới nên tỉ lệ sâu bệnh hại của tất cả giống đều rất thấp. Tuy nhiên, sự lựa chọn giống nào còn phải phụ thuộc vào phẩm chất của nó nữa. Kết

quả ở Hình 2 cho thấy có sự khác biệt qua phân tích thống kê ở mức ý nghĩa 1% về năng suất thương phẩm của các giống dưa lê, năng suất thương phẩm cao nhất ở 2 giống Melon Hoàng Hạt (32,3 tấn/ha) và Aplus 675 (32,20 tấn/ha), không khác biệt thống kê với các giống Phương Thanh Thanh, S Samol và National 028 (29-29,2 tấn/ha). Thấp nhất là Kim Cô Nương (21,0 tấn/ha) không khác biệt với các giống còn lại dao động (22,3 -26,2 tấn /ha). Đây là yếu tố quyết định để chọn giống thích hợp trên thị trường. Ở đây Melon Hoàng Hạt, Phương Thanh Thanh được chú trọng vì có năng suất thương phẩm cao nhưng còn phụ thuộc vào phẩm chất nó tốt hay không. Tuy nhiên giống Kim Cô Nương và Dưa lê 1864 có năng suất thương phẩm không cao do nó có trọng lượng thấp nhưng biết đâu nó lại có phẩm chất tốt. Sở dĩ trọng lượng thấp là do bị khảm.



Hình 1: Trọng lượng trái của 11 giống dưa lê, nhà lưới Trại Thực nghiệm Nông nghiệp, ĐHCT (tháng 3-5/2007)

Bảng 4: Năng suất tổng, năng suất thương phẩm và tỷ lệ năng suất thương phẩm trên năng suất tổng của 11 giống dưa lê, nhà lưới trại Thực nghiệm Nông nghiệp, ĐHCT (tháng 3- 5/2007)

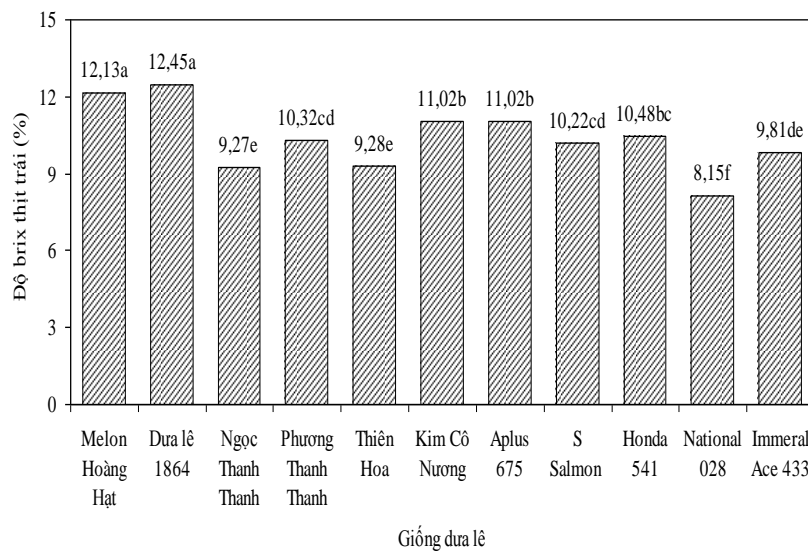
Giống dưa lê	Năng suất tổng (tấn/ha)	Năng suất thương phẩm (tấn/ha)	Tỷ lệ NSTP/NST (%)
Melon Hoàng Hạt	33,9 a	32,3 a	95,3
Dưa Lê 1864	27,4 abcd	26,1 bc	95,4
Ngọc Thanh Thanh	29,2 abcd	26,2 bc	89,9
Phương Thanh Thanh	30,9 abc	29,1 ab	94,7
Thiên Hoa	29,4 abcd	26,1 bc	89,5
Kim Cô Nương	22,7 d	21,0 c	93,2
Aplus 675	33,6 a	32,2 a	95,4
S Salmon	31,2 ab	29,2 ab	94,1
Honda 541	25,3 bcd	23,5 bc	94,7
National 028	30,4 abc	29,0 ab	96,0
Immeral Ace 433	23,9 cd	22,3 c	94,2
<i>F</i>	*	**	<i>ns</i>
<i>CV. (%)</i>	14,73	13,04	9,19

Những số trong cùng một cột có chữ theo sau giống nhau thì không khác biệt thống kê qua phép thử Duncan *ns*: không khác biệt; * khác biệt mức ý nghĩa 5%; **: khác biệt mức ý nghĩa 1%.

3.4 Một số chỉ tiêu về phẩm chất trái

3.4.1 Độ Brix thịt trái

Có sự khác biệt thống kê ở mức ý nghĩa 1% (Hình 2) về độ Brix giữa các nghiệm thức, cao nhất là Dưa lê 1864 và Melon Hoàng Hạt (12,45 và 12,13%) và thấp nhất là National 028 (8,15%). Các nghiệm thức còn lại dao động 9,27-11,02%. Nhìn chung các giống dưa lê có độ Brix hơi thấp hơn so với tiềm năng của chúng, do thí nghiệm được thực hiện trong vụ Xuân Hè, thời tiết có mưa nhiều nên cường độ ánh sáng khá thấp trong suốt quá trình hình thành trái và trái chín. Bên cạnh đó việc bón phân kali cho cây chưa phù hợp lắm vì sự sinh trưởng của các giống khác nhau. Trong các giống trên thì Melon Hoàng Hạt, Dưa lê 1864 và Kim Cô Nương, Phương Thanh Thanh có độ Brix cao. Tuy nhiên còn phải xét xem phẩm chất nó về việc vận chuyển hay độ cứng thịt trái có cứng và giòn hay không.

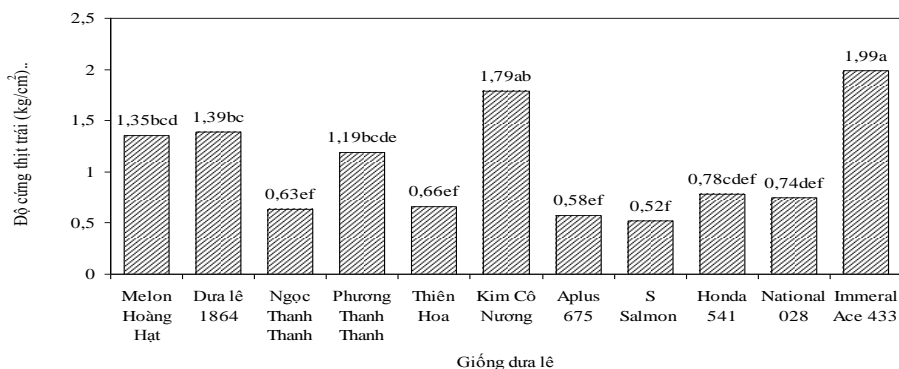


Hình 2: Độ Brix thịt trái của 11 giống dưa lê, nhà lưới trại Thực nghiệm Nông nghiệp, ĐHTC (tháng 3-5/2007)

3.4.2 Độ cứng thịt trái

Hình 3 cho thấy có sự khác biệt 5% qua phân tích thống kê về độ cứng thịt trái 11 giống dưa lê, cao nhất là Immeral Ace 433 (1,99 kgf/cm²), không khác biệt với Kim Cô Nương (1,79 kgf/cm²) và thấp nhất là S Salmon (0,52 kgf/cm²), nhưng không khác biệt thống kê với các giống Ngọc Thanh Thanh, Aplus 675, Honda 541, National 028 và Thiên Hoa dao động từ 0,58-0,78 kgf/cm². Các giống còn lại dao động từ 1,19-1,39 kgf/cm².

Thompson (1957) và nhiều nhà nông học đã đưa ra một số tiêu chuẩn để đánh giá trái có phẩm chất ngon, chất lượng đạt tiêu chuẩn như độ ngọt, độ cứng, thời gian tồn trữ và khả năng vận chuyển xa... Vì thế Kim Cô Nương được chọn lựa làm giống tiên phong vì chẳng những có độ cứng thịt trái lớn giúp thịt trái giòn hơn mà còn có các chỉ tiêu phẩm chất được trình bày ở trên như độ brix, độ dày thịt và vỏ trái cũng lớn. Tuy nhiên các giống Melon Hoàng Hạt, Dưa Lê 1864, Phương Thanh Thanh cũng có những chỉ tiêu về phẩm chất trái cũng không kém Kim Cô Nương nên đây cũng là những giống triển vọng trong sản xuất.



Hình 3: Độ cứng thịt trái (kg/cm²) của 11 giống dưa lê tại nhà lưới trại Thực nghiệm Nông nghiệp, ĐHTC (tháng 3-5/2007)

3.4.3 Màu sắc thịt và vỏ trái

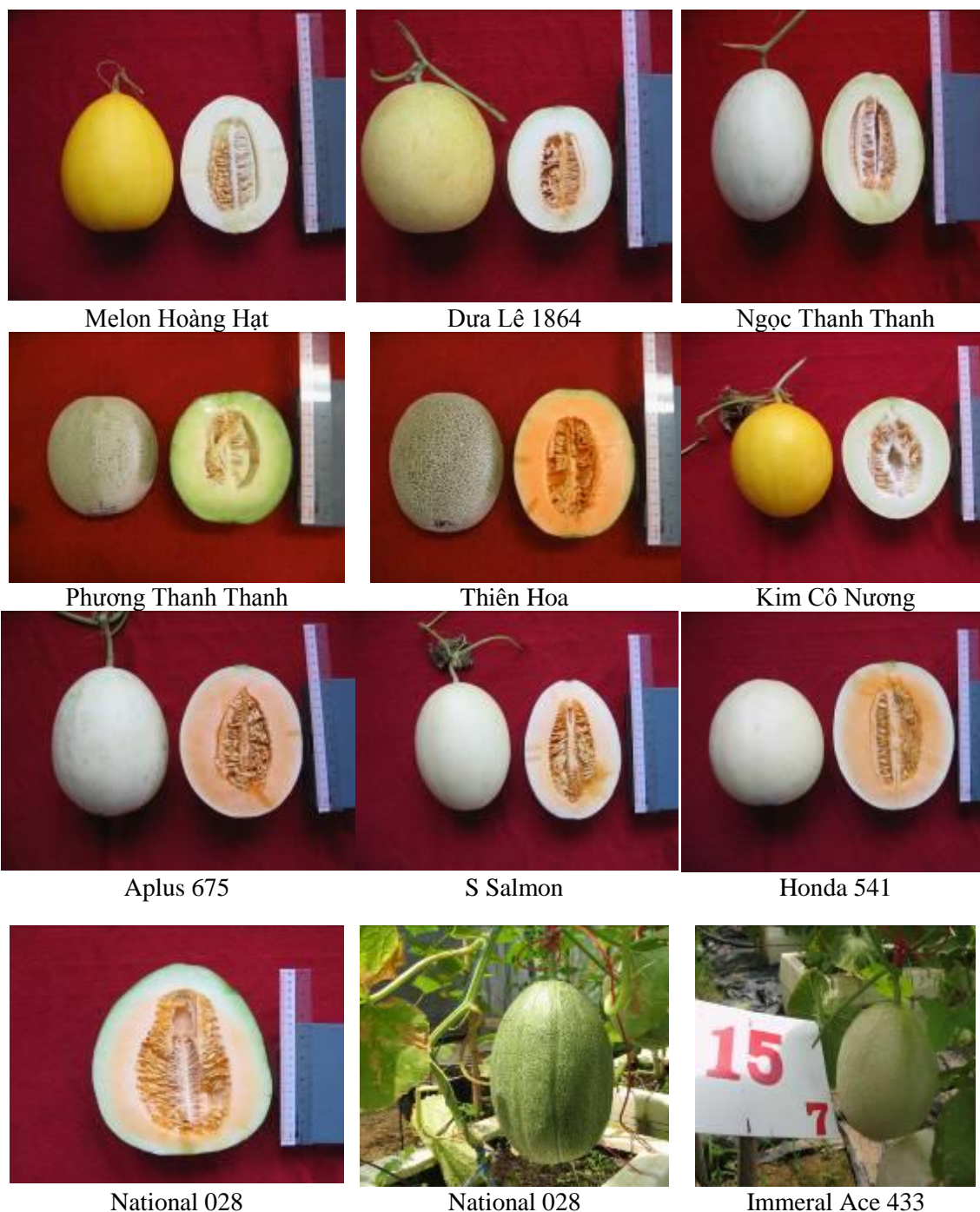
Qua Bảng 5 và Hình 4 cho thấy được có sự khác biệt thống kê giữa màu sắc thịt và vỏ trái ở mức ý nghĩa 1%, giống có màu sắc vỏ trái lớn nhất là Melon Hoàng Hạt ($\Delta E = 66,5$) và Kim Cô Nương ($\Delta E = 65,1$) cả hai đều có màu vàng, và nhỏ nhất là S Salmon ($\Delta E = 26,2$), không khác biệt với Aplus 675, Immeral Ace 433 và Honda 541 chúng nằm trong dãy màu kem. Các giống còn lại nằm trong dãy màu từ xanh nhạt (hơi vàng)-xanh đậm (hơi vàng).

Bên cạnh đó, giống có màu sắc ruột trái lớn nhất là Thiên Hoa ($\Delta E = 43,1$) có màu cam và thấp nhất là Melon Hoàng Hạt ($\Delta E = 23,4$), không khác biệt so với Dưa Lê 1864 ($\Delta E = 25,9$) và Kim Cô Nương ($\Delta E = 26,1$), chúng có màu trắng. Các giống còn lại, Ngọc Thanh Thanh, Phương Thanh Thanh biến thiên từ màu xanh nhạt đến xanh đậm; các giống Salmon, Aplus 675, Immeral Ace 433, Honda 541 và National 028 biến thiên từ màu cam nhạt đến cam hơi nhạt. Màu sắc vỏ và thịt trái dưa lê có ΔE càng lớn thì nó sẽ càng xa màu chuẩn (màu trắng) của thịt và vỏ trái nó đi và ngược lại.

Bảng 5: Màu sắc vỏ và thịt trái của 11 giống dưa lê tại nhà lưới trại Thực nghiệm Nông nghiệp, ĐHTC (tháng 3-5/2007)

Giống dưa lê	Màu sắc (ΔE)	
	Màu sắc vỏ	Màu sắc ruột
Melon Hoàng Hạt	66,5 a	23,4 e
Dưa Lê 1864	46,2 c	25,9 de
Ngọc Thanh Thanh	31,3 e	27,2 d
Phương Thanh Thanh	41,3 d	39,3 b
Thiên Hoa	48,0 bc	43,1 a
Kim Cô Nương	65,1 a	26,1 de
Aplus 675	26,4 f	39,0 b
S Salmon	26,2 f	32,2 c
Honda 541	25,6 f	38,2 b
National 028	50,8 b	32,5 c
Immeral Ace 433	26,9 f	34,4 c
F	**	**
CV. (%)	5,2	6,6

Những số trong cùng một cột có chữ theo sau giống nhau thì không khác biệt thống kê qua phép thử Duncan
 **: khác biệt mức ý nghĩa 1%.



Hình 4: Màu sắc ruột và vỏ trái 11 giống dưa lê lúc thu hoạch của thí nghiệm lúc thu hoạch, trại Thực nghiệm Nông Nghiệp, ĐHTC

4 KẾT LUẬN VÀ ĐỀ NGHỊ

- Thí nghiệm đưa ra 4 giống: kim Cô Nương (đối chứng), Melon Hoàng Hạt, Dưa Lê 1864 và Phương Thanh Thanh. Các giống này đều có phẩm chất tốt, độ Brix cao, thịt trái giòn, vỏ trái cứng, cuống trái không bị sứt khi chín, phù hợp với ăn tươi, chưng tết và vận chuyển đi xa.
- Về năng suất thương phẩm và trọng lượng trái, Kim Cô Nương (đối chứng), Melon Hoàng Hạt, Dưa Lê 1864 và Phương Thanh Thanh lần lượt đạt 21,0; 32,3; 26,1; 29,1 tấn/ha với 0,8; 1,0; 0,9; 1,0 kg/trái, tương ứng.

- Về sức sinh trưởng, Kim Cô Nương (đối chứng), Dưa Lê 1864, Phương Thanh Thanh và Melon Hoàng Hạt ở mức trung bình với thời gian sinh trưởng 65 ngày; riêng Dưa Lê 1864 có thời gian sinh trưởng 75 ngày. Các giống Thiên Hoa và National 028 có sức sinh trưởng mạnh, thịt trái cứng chắc, vỏ trái cứng, mặc dù có độ Brix hơi thấp nhưng có thể là các giống triển vọng dành cho những người ăn kiêng. Các giống còn lại, Aplus 675, S Salmon, Honda 541, Ngọc Thanh Thanh và National 028 có thịt trái ngọt, mềm, vỏ trái mỏng, khi chín dễ sứt cuống trái, khó vận chuyển và bảo quản nhưng có thể dùng làm sinh tố hoặc đóng hộp.
- Trồng dưa lê trong nhà lưới có mái che ni lông, sử dụng giá thể sạch, tưới nước và dinh dưỡng theo hệ thống nhỏ giọt trong vụ Xuân Hè có thể sử dụng các giống Kim Cô Nương, Melon Hoàng Hạt, Phương Thanh Thanh và Dưa Lê 1864.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Đình Văn Hai. 2003. So sánh năng suất của 8 giống dưa hấu mùa mưa, Thành phố Cần Thơ, 2002. Tiểu luận tốt nghiệp Đại Học. KNN. ĐHCT.
- Nguyễn Tâm Ân. 2006. Khảo sát sự sinh trưởng và phát triển của 6 giống dưa lê vụ Hè Thu. Luận văn tốt nghiệp. Khoa Nông Nghiệp và Sinh Học Ứng Dụng, Đại Học Cần Thơ
- Thompson H.C., and W.C. Kelly, 1957. Vegetable Crops. 5 th edi. McGRAW-HILL Book Co, Inc. Chapter 5. 25-69.
- Trần Khắc Thi. 1999. Kỹ thuật trồng rau sạch. NXB Nông nghiệp Hà Nội.
- Trần Thị Thiên Thu. 2003. Trắc nghiệm năng suất 5 giống dưa hấu tết tại Thành phố Cần Thơ, vụ Đông Xuân 2001-2002. Luận văn tốt nghiệp Đại Học. KNN. ĐHCT.